

Số: 16.../BVHN-KD  
V/v: Mời gửi báo giá thực phẩm

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2023

Kính gửi: CÁC ĐƠN VỊ

Bệnh viện đa khoa Hồ Nhai xin gửi tới Quý Công ty lời chào trân trọng.

Bệnh viện đa khoa Hồ Nhai có kế hoạch tổ chức lựa chọn nhà cung cấp thực phẩm cho bếp ăn Bệnh viện năm 2023.

Kính đề nghị các Công ty có chức năng kinh doanh lương thực thực phẩm gửi báo giá cho Bệnh viện đa khoa Hồ Nhai để Bệnh viện có căn cứ xây dựng giá kế hoạch cho lựa chọn nhà cung cấp theo đúng quy định hiện hành.

Hồ sơ gửi cho Bệnh viện bao gồm:

1. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
2. Giấy xác nhận đủ điều kiện VSTTTP
3. Giấy xác nhận kiến thức VSTTTP
4. Giấy xác nhận địa điểm kinh doanh
5. Bộ hồ sơ ký kết với các đơn vị cung cấp các mặt hàng.
6. Báo giá các mặt hàng (có danh mục kèm theo).

- Thịt gia súc, gia cầm các loại.

- Thủy hải sản tươi các loại

- Thủy hải sản đông lạnh các loại

- Trứng các loại

- Rau, củ, quả các loại

- Gạo, đậu, lạc các loại, bún

- Gia vị các loại

- Các loại thực phẩm khô

\* Thời hạn gửi báo giá từ ngày: 16/01/2023 - 16/02/2023.

\* Nơi nhận báo giá: Phòng Tổ chức Hành chính – Bệnh viện đa khoa Hồ Nhai. Địa chỉ: Số 34 phố Hồ Nhai, Ba Đình, Hà Nội.

SĐT LIÊN HỆ : 0243.927.2980.

Rất mong Quý Công ty tham gia báo giá để có cơ hội hợp tác, cung cấp cho Bệnh viện.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT & hồ sơ



GIÁM ĐỐC

Phan Thị Thanh Bình

**BẢNG BÁO GIÁ**  
**THỊT LỢN, THỊT GÀ, THỊT VỊT, THỊT CHIM, THỊT BÒ**  
(Từ ngày 01/02/2023 đến hết ngày 28/02/2023)

Kính gửi: BỆNH VIỆN HÒE NHAİ

| Mã hàng   | Tên hàng                 | ĐVT | Số lượng | Đơn giá | Ghi chú |
|-----------|--------------------------|-----|----------|---------|---------|
| <b>I</b>  | <b>Thịt Lợn</b>          |     |          |         |         |
| 1         | Chả lợn                  | kg  |          |         |         |
| 2         | Chả quế                  | kg  |          |         |         |
| 3         | Giò lụa                  | kg  |          |         |         |
| 4         | Giò tai                  | kg  |          |         |         |
| 5         | Giò sống                 | kg  |          |         |         |
| 6         | Sấn mông                 | kg  |          |         |         |
| 7         | Sấn vai                  | kg  |          |         |         |
| 8         | Sấn thăn                 | kg  |          |         |         |
| 9         | Sấn bỏ bì xay            | kg  |          |         |         |
| 10        | Móng giò                 | kg  |          |         |         |
| 11        | Nạc mông xay             | kg  |          |         |         |
| 13        | Nạc vai thượng           | kg  |          |         |         |
| 15        | Ba chỉ quế               | kg  |          |         |         |
| 16        | Ba chỉ thường            | kg  |          |         |         |
| 18        | Sườn sụn                 | kg  |          |         |         |
| 19        | Sườn tấm cả cục          | kg  |          |         |         |
| 20        | Sườn thăn cả cục         | kg  |          |         |         |
| 21        | Sườn thăn không cục      | kg  |          |         |         |
| 22        | Thịt chân giò            | kg  |          |         |         |
| 23        | Thịt nách                | kg  |          |         |         |
| 24        | Xương cục                | kg  |          |         |         |
| <b>II</b> | <b>Gà + Chim + Vịt</b>   |     |          |         |         |
| 1         | Cánh gà CN               | kg  |          |         |         |
| 2         | Gà tam hoàng già lọc     | kg  |          |         |         |
| 3         | Chim bồ câu trên 0,3 kg  | con |          |         |         |
| 8         | Gà mái ta làm sạch       | kg  |          |         |         |
| 9         | Gà mía làm sạch          | kg  |          |         |         |
| 11        | Gà tam hoàng cả con      | kg  |          |         |         |
| 12        | Gà trống ta làm sạch     | kg  |          |         |         |
| 13        | Gà tam hoàng làm sạch    | kg  |          |         |         |
| 14        | Thịt Vịt bỏ cổ cánh chân | kg  |          |         |         |

|             | <b>Dầu ăn + hàng khô</b> |       |  |  |  |
|-------------|--------------------------|-------|--|--|--|
| 1           | Dầu ăn Neptuyn can 5 lít | Can   |  |  |  |
| 2           | Dầu ăn 20 lít            | Can   |  |  |  |
| 4           | Mì chính Miow            | kg    |  |  |  |
| 5           | Mì chính Ajinomoto       | kg    |  |  |  |
| 6           | Hạt nêm                  | kg    |  |  |  |
| 9           | Nước mắm nam ngư         | lít   |  |  |  |
| 10          | Tương ớt loại 5 lít      | Can   |  |  |  |
| 11          | Dầu rửa bát Thái         | 5 lít |  |  |  |
| 13          | Mộc nhĩ                  | kg    |  |  |  |
| 14          | Dấm gạo 5 lít            | Chai  |  |  |  |
| 15          | Dấm gạo Trung Thành      | Chai  |  |  |  |
| 16          | Gia vị kho cá gói        | Gói   |  |  |  |
| 17          | Dầu rửa bát thái 5 lít   | 5 lít |  |  |  |
| 27          | Bột Aji Quilck           | Gói   |  |  |  |
| 28          | Bột chiên giòn bé        | Túi   |  |  |  |
| 29          | Bột chiên xù lkg         | kg    |  |  |  |
| 30          | Bột năng 1 túi lkg       | kg    |  |  |  |
| 31          | Bột mỳ 1 kg              | kg    |  |  |  |
| 32          | Gia vị kho tàu 1 gói     | kg    |  |  |  |
| 34          | Hạt tiêu cay             | Kg    |  |  |  |
| <b>VIII</b> | <b>Gạo</b>               |       |  |  |  |
| 1           | Gao tám Hải Hậu          | kg    |  |  |  |
| 2           | Gạo tám Thái             | kg    |  |  |  |
| 3           | Lạc nhân thường          | kg    |  |  |  |
| 4           | Muối hạt trắng           | kg    |  |  |  |
| 5           | Nấm hương khô            | kg    |  |  |  |
| 6           | Củ tỏi ta                | kg    |  |  |  |
| 7           | Củ tỏi thường            | kg    |  |  |  |
| 8           | Vừng đen                 | kg    |  |  |  |
| 9           | Vừng trắng               | kg    |  |  |  |
| 10          | Đường kính trắng         | kg    |  |  |  |
| 11          | Đường kính vàng          | kg    |  |  |  |

**\* Ghi chú:**

1. Đơn giá trên đã bao gồm thuế VAT
2. Sơ chế thực phẩm giúp bếp
3. Cam kết giá các mặt hàng không thay đổi theo tháng và được thảo thuận trong hợp đồng
4. Xin được thương thảo lại giá với BV do yếu tố khách quan như: Hạn hán, lũ lụt, thực phẩm động vật tăng đột biến.

**Người báo giá**

## BÁO GIÁ

(Từ ngày 01/02/2023 đến hết ngày 28/02/2023)

Kính gửi: BỆNH VIỆN HÒE NHAU

| Mã hàng | Tên hàng               | ĐVT  | Số lượng | Đơn giá | Ghi chú |
|---------|------------------------|------|----------|---------|---------|
| I       | Gas                    |      |          |         |         |
| 1       | Bình gas gia đình 45kg | Bình | 01       |         |         |

**\* Ghi chú:**

- Đơn giá trên đã bao gồm thuế VAT
- Sơ chế thực phẩm giúp bếp
- Cam kết giá các mặt hàng không thay đổi theo tháng và được thảo thuận trong hợp đồng
- Xin được thương thảo lại giá với BV do yếu tố khách quan như: Hạn hán, lũ lụt, thực phẩm động vật tăng đột biến.

Người báo giá